

Số: 673/2019/QĐST-HNGĐ

*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55,81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 938/2019/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 11 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị Phan Thu T1**, sinh năm 1983; ĐKKHKT và nơi ở: Số 34 ngõ 80 P, phường T, quận Đ, TP H.

- **Anh Bùi Đức T2**, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Tổ 10 thị trấn Đ, huyện Đ, TP H; Nơi ở: Số 52B ngách 31 ngõ 6 Đ, phường P, quận Đ, TP H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Phan Thu T1 và Bùi Đức T2 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, TP H ngày 24/10/2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay chị T1 và anh T2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị T1 và anh T2 cùng đề nghị được Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 xác định có 02 con chung là Bùi Anh T3, sinh ngày 10/01/2009 và Bùi Ngọc L, sinh ngày 18/3/2012. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng con chung được thực hiện từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản,

[3] Về tài sản: Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Phan Thu T1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2.

- Về con chung: Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 có 02 con chung là Bùi Anh T3, sinh ngày 10/01/2009 và Bùi Ngọc L, sinh ngày 18/3/2012. Giao anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng ( ba triệu đồng)/tháng. Việc cấp dưỡng con chung được thực hiện từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản,

- Về tài sản chung ( động sản và bất động sản): Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ: Chị Phan Thu T1 và anh Bùi Đức T2 nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phan Thu T1 tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09464 ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Thắng**

